

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Mai Trần Phúc

2/ Ông Lâm Minh Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc G - sinh năm 1994 (vắng mặt)

Trú quán: Tổ 1, ấp LC, xã LV, huyện CT, tỉnh TN.

Bị đơn: Anh Ngô Minh G - sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú quán: Tổ 16, ấp TT, xã TĐ, huyện CT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc G trình bày: Chị và anh G chung sống vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CT, tỉnh TN. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, không hợp nhau thường xuyên bất đồng ý kiến, anh G không quan tâm đến vợ con, chị cố gắng chịu đựng nhưng từ tháng 11/2018 vợ chồng sống ly thân đến nay, nay vợ chồng không hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với anh G để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Ngô Minh Gia B - sinh ngày 14/11/2015 hiện con chung đang sống với anh G, chị đồng ý giao cho anh G nuôi con, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không.

Tại lời khai ngày 26 tháng 02 năm 2019 bị đơn anh Ngô Minh G trình bày: Anh và chị G chung sống và đăng ký kết hôn như vợ trình bày là đúng, quá trình sống

chung không mâu thuẫn, do vợ đòi đi chơi anh không cho đi, vợ cuốn đồ đi anh nóng quá có đũa muốn đi thì đi đi, nên vợ anh đi từ tháng 11/2018 về nhà mẹ ruột sống đến nay, anh và con anh qua thường xuyên thăm vợ năn nỉ vợ về nhưng vợ không chịu về, anh còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung như vợ trình bày, anh đang nuôi con, anh muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu vợ kiên quyết ly hôn với anh, anh yêu cầu nuôi con, anh không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung, Không yêu cầu giải quyết; không nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều B đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G. Con chung giao cho anh G nuôi con, chị G không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh G không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung khai không có không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; chị G phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Ngọc G là nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, anh Ngô Minh G là bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh G vắng mặt không có lý do, nên cần áp dụng vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị G và anh G.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc G và anh Ngô Minh G chung sống với nhau vào năm 2014, đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 10 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CT, tỉnh TN, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật B vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung, theo chị G vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị cố gắng chịu đựng đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn hàn gắn không được, cuối năm 2018 chị G làm đơn xin ly hôn với anh G, sau đó chị G rút đơn, Tòa án nhân dân huyện CT đã ra quyết định số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 đình chỉ giải quyết vụ án. Ngược lại anh G cho rằng vợ chồng sống chung đến tháng 11 năm 2018 thì cãi nhau, sau đó chị G bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay, ngoài ra vợ chồng không mâu thuẫn gì khác, thời gian vợ chồng sống ly thân anh có đến thăm năn nỉ nhưng vợ không chịu về, anh còn thương vợ con không đồng ý ly hôn là không phù hợp. Vì, thời gian anh chị sống ly thân, anh G không có biện

pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng vẫn sống ly thân, chị G kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh G, nên giữa chị G và anh G không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G là có cơ sở phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị G và anh G thống nhất có 01 con chung tên Ngô Minh Gia B - sinh ngày 14/11/2015, chị G đồng ý giao cho anh G nuôi dưỡng. Ý kiến của anh G nếu ly hôn anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị G cấp dưỡng, nên cần giao cháu B cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở phù hợp.

Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh G không yêu cầu, chị G có quyền thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

[4]. Tài sản chung: Chị G, anh G không yêu cầu giải quyết và khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị G phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Ngọc G đối với anh Ngô Minh G.

Chị Phạm Thị Ngọc G và anh Ngô Minh G được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho anh Ngô Minh G tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Ngô Minh Gia B (giới tính Nam) - sinh ngày 14/11/2015.

Chị G không phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh G không yêu cầu.

Chị G có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai có quyền cản trở.

3. Tài sản chung: Chị G, anh G không yêu cầu giải quyết và khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị G phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019483 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị G đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án

được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã LV và Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện CT, tỉnh TN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thanh Điền;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA.

Nguyễn Thị Thịnh

Các Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Trần Phúc – Lâm Minh Lâm

Nguyễn Thị Thịnh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thanh Điền;
- Các đường sự;
- Lưu HS,TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa